

TÓM TẮT BẢNG MINH HỌA SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG UL68 – TÂM AN BẢO PHÁT

1. Tóm tắt nội dung

Nội dung	Trang
Thông tin cơ bản	2
Thông tin chi tiết	4
Bảng minh họa quyền lợi bảo hiểm và giá trị tài khoản sản phẩm chính	7
Bảng minh họa các chi phí tại mức lãi suất cam kết	11
Xác nhận của khách hàng và nhân viên tư vấn bảo hiểm	15
Phụ lục: Danh sách bệnh hiểm nghèo của sản phẩm Bảo hiểm hỗ trợ bệnh hiểm nghèo nâng cao	16
Phụ lục: Danh sách bệnh hiểm nghèo của sản phẩm Bảo hiểm hỗ trợ bệnh hiểm nghèo	19
Phụ lục: Danh sách bệnh hiểm nghèo của sản phẩm Bảo hiểm hỗ trợ đóng phí bệnh hiểm nghèo	20

2. Tóm tắt Giá trị tài khoản và Quyền lợi TV/TTTBVV* tại lãi suất 5,0% của 20 năm hợp đồng đầu tiên

Đơn vị tính: đồng

Năm/ Tuổi NĐBH	Phí bảo hiểm lũy kế	Tại mức lãi suất 5,0%	
		Quyền lợi TV/TTTBVV	Giá trị tài khoản
4/33	74.964.000	1.000.000.000	43.925.000
8/37	149.928.000	1.000.000.000	121.773.000
12/41	224.892.000	1.000.000.000	219.703.000
16/45	299.856.000	1.000.000.000	338.652.000
20/49	374.820.000	1.000.000.000	483.653.000

Với giả định lãi suất đầu tư 5%/ năm, Giá trị tài khoản của khách hàng sẽ lớn hơn tổng phí đóng (quy năm) của sản phẩm Liên kết chung UL68 – Tâm An Bảo Phát tại năm hợp đồng thứ 13.

(*) TV/TTTBVV: Tử vong/ Thương tật toàn bộ vĩnh viễn.

Bên mua bảo hiểm: Nguyễn Văn A
Nhân viên tư vấn: Hoàng Tuyết Hoa
Ngày in: 24/08/2021 - 10:00:00

Văn phòng hoạt động: Hồ Chí Minh
Mã số nhân viên: 000001
Bảng minh họa số: I0000000000000001

Bảng minh họa này chỉ có giá trị sử dụng tới 10:00:00 ngày 23/09/2021 và khi có đầy đủ số trang

BẢNG MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG UL68 – TÂM AN BẢO PHÁT

I. THÔNG TIN CƠ BẢN

1. Thông tin về doanh nghiệp bảo hiểm

- **Tên doanh nghiệp:** Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Mirae Asset Prévoir (“MAP Life”)
- **Giấy phép số:** 31 GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 17/3/2005, điều chỉnh tại Giấy phép số 31/GPĐC10/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 8/5/2018
- **Lĩnh vực kinh doanh:** Bảo hiểm nhân thọ
- **Vốn điều lệ:** 2.158 tỷ VNĐ
- **Trụ sở tại:** Tầng 18, tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
- **Điện thoại:** +84 28 2220 1050

2. Thông tin về Bên mua bảo hiểm, Người được bảo hiểm

	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Tuổi bảo hiểm	Số CMND	Nghề nghiệp
Bên mua bảo hiểm:	Nguyễn Văn A	Nam	21/01/1985	36	012345678	Nhóm 1
Người được bảo hiểm chính:	Trần Thị B	Nữ	01/12/1990	30	066668888	Nhóm 1
Người được bảo hiểm bổ sung 1:	Nguyễn Văn A	Nam	21/01/1985	36	012345678	Nhóm 1

Ghi chú: Sản phẩm UL68 – Tâm An Bảo Phát là tên gọi thương mại của Sản phẩm Bảo hiểm liên kết chung 2018 được Bộ Tài chính phê chuẩn theo Công văn số 13510/BTC-QLBH ngày 02/11/2018.

Bên mua bảo hiểm: Nguyễn Văn A
Nhân viên tư vấn: Hoàng Tuyết Hoa
Ngày in: 24/08/2021 - 10:00:00

Văn phòng hoạt động: Hồ Chí Minh
Mã số nhân viên: 000001
Bảng minh họa số: I000000000000001

Bảng minh họa này chỉ có giá trị sử dụng tới 10:00:00 ngày 23/09/2021 và khi có đầy đủ số trang

3. Thông tin về sản phẩm bảo hiểm

Đơn vị tính: đồng

Tên sản phẩm	Người được bảo hiểm	Thời hạn hợp đồng/ Thời hạn đóng phí dự kiến (năm)	Số tiền bảo hiểm (STBH)	Phí bảo hiểm cơ bản ⁽¹⁾	Phí bảo hiểm đóng thêm ⁽¹⁾	Phí bảo hiểm sản phẩm bổ trợ ⁽¹⁾
Bảo hiểm liên kết chung UL68 – Tâm An Bảo Phát – Kế hoạch A – Lựa chọn 1 + Quyền lợi bổ sung ⁽²⁾	Trần Thị B	70/20	1.000.000.000	18.741.000		
	Trần Thị B	36/20	1.000.000.000			
Bảo hiểm hỗ trợ bệnh hiểm nghèo nâng cao	Trần Thị B	1/1	500.000.000			1.475.000
Bảo hiểm hỗ trợ đóng phí	Nguyễn Văn A	20/20				1.253.000
Bảo hiểm hỗ trợ đóng phí bệnh hiểm nghèo	Nguyễn Văn A	1/1				706.000

TỔNG PHÍ BẢO HIỂM SẢN PHẨM CHÍNH VÀ SẢN PHẨM BỔ TRỢ

Định kỳ đóng phí	Nửa năm (lần đầu)	Nửa năm (lần sau)	Năm
Phí bảo hiểm dự kiến ⁽³⁾	9.371.000	9.371.000	18.741.000
Tổng phí bảo hiểm Sản phẩm bổ trợ ⁽⁴⁾	1.820.000	1.820.000	3.434.000
Tổng phí bảo hiểm dự kiến Sản phẩm chính và Sản phẩm bổ trợ	11.191.000	11.191.000	22.175.000

Phí bảo hiểm được trình bày trên là phí được tính cho người có sức khỏe chuẩn theo quy định của Công ty. Phí bảo hiểm thực tế sẽ dựa vào kết quả thẩm định.

Ghi chú:

- Theo định kỳ đóng phí năm.
- Quyền lợi bảo hiểm bổ sung bao gồm quyền lợi TV/TTTBVV do tai nạn, do Bên mua bảo hiểm lựa chọn tại thời điểm tham gia bảo hiểm.
- Phí bảo hiểm dự kiến bao gồm Phí bảo hiểm định kỳ và Phí bảo hiểm đóng thêm (nếu có).
- Phí bảo hiểm của (các) sản phẩm bổ trợ được minh họa cho năm hợp đồng đầu tiên. Phí bảo hiểm của (các) sản phẩm bổ trợ có thể thay đổi phụ thuộc vào độ tuổi của khách hàng và/hoặc năm hợp đồng của HĐBH bổ trợ.

Bên mua bảo hiểm: Nguyễn Văn A
Nhân viên tư vấn: Hoàng Tuyết Hoa
Ngày in: 24/08/2021 - 10:00:00

Văn phòng hoạt động: Hồ Chí Minh
Mã số nhân viên: 000001
Bảng minh họa số: I000000000000001

Bảng minh họa này chỉ có giá trị sử dụng tới 10:00:00 ngày 23/09/2021 và khi có đầy đủ số trang

II. THÔNG TIN CHI TIẾT

1. Các quyền lợi của Hợp đồng bảo hiểm

1.1. Quyền lợi bảo hiểm rủi ro:

- ✓ **Quyền lợi tử vong hoặc Thương tật toàn bộ vĩnh viễn**
 - Kế hoạch A: Giá trị cao hơn giữa Số tiền bảo hiểm với Giá trị tài khoản hợp đồng
 - Kế hoạch B: Tổng giá trị của Số tiền bảo hiểm và Giá trị tài khoản hợp đồng
- ✓ **Quyền lợi bổ sung:** Bên mua bảo hiểm có thể chọn thêm Quyền lợi này khi tham gia bảo hiểm, Công ty có thể chi trả thêm số tiền lên đến 500% Số tiền bảo hiểm sản phẩm chính tùy thuộc lựa chọn của khách hàng khi Người được bảo hiểm tử vong hoặc thương tật toàn bộ vĩnh viễn do tai nạn.

1.2. Quyền lợi đầu tư:

- ✓ **Quyền lợi hưởng lãi đầu tư từ Quỹ liên kết chung:** được hưởng lãi suất đầu tư thực tế từ Quỹ liên kết chung và tối thiểu không thấp hơn 2%/năm.
- ✓ **Các quyền lợi khác: Quyền lợi thưởng duy trì hợp đồng:**

Năm hợp đồng	4	8	12	16	20
Tỷ lệ phần trăm (%) trung bình Phí bảo hiểm cơ bản định kỳ năm	6	12	18	24	30

- ✓ **Quyền lợi đáo hạn:** Công ty sẽ thanh toán Giá Trị Tài Khoản Hợp Đồng cho Người Thụ Hưởng.

2. Các quyền của Bên mua bảo hiểm sản phẩm bảo hiểm Liên kết chung

- ✓ **Quyền rút tiền từ Giá trị tài khoản hợp đồng:** Trong thời gian hiệu lực của Hợp đồng, kể từ Năm hợp đồng thứ hai, Bên mua bảo hiểm có quyền rút tiền từ Giá trị tài khoản hợp đồng.
- ✓ **Quyền tạm ứng từ Giá trị hoàn lại:** Trong thời gian hiệu lực của Hợp đồng, kể từ Năm hợp đồng thứ hai, Bên mua bảo hiểm có thể tạm ứng một phần số tiền từ Giá trị hoàn lại của hợp đồng cho những nhu cầu chi tiêu cấp bách.
- ✓ **Quyền lựa chọn Ngày đáo hạn Hợp đồng:** Bên mua bảo hiểm có quyền linh hoạt lựa chọn thời điểm đáo hạn hợp đồng tại tuổi 66 hoặc 100 của Người được bảo hiểm.
- ✓ **Quyền đóng phí bảo hiểm đóng thêm:** Ngoài phí bảo hiểm cơ bản, Bên mua bảo hiểm có thể đóng Phí bảo hiểm đóng thêm để hưởng lãi đầu tư.
- ✓ **Quyền chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm:** Trong thời gian hiệu lực của Hợp đồng, Bên mua bảo hiểm có quyền yêu cầu chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn và nhận Giá trị hoàn lại (nếu có).
- ✓ **Quyền thay đổi Số tiền bảo hiểm:** Trong thời gian hiệu lực của Hợp đồng, kể từ Năm hợp đồng thứ năm, Bên mua bảo hiểm có quyền yêu cầu thay đổi Số tiền bảo hiểm phù hợp với quy định Công ty tại từng thời điểm.

3. Các loại chi phí

✓ **Phí ban đầu:**

Là phần phí bảo hiểm được Công ty khấu trừ từ Phí bảo hiểm cơ bản và Phí bảo hiểm đóng thêm trước khi phân bổ vào Giá trị tài khoản hợp đồng. Tùy theo từng Năm hợp đồng, phí ban đầu được xác định như sau:

Bên mua bảo hiểm:	Nguyễn Văn A	Văn phòng hoạt động:	Hồ Chí Minh
Nhân viên tư vấn:	Hoàng Tuyết Hoa	Mã số nhân viên:	000001
Ngày in:	24/08/2021 - 10:00:00	Bảng minh họa số:	I000000000000001

Bảng minh họa này chỉ có giá trị sử dụng tới 10:00:00 ngày 23/09/2021 và khi có đầy đủ số trang

Năm hợp đồng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10+
Tỷ lệ trên Phí bảo hiểm cơ bản (%)	55	40	25	20	10	7	7	4	4	2
Tỷ lệ trên Phí bảo hiểm đóng thêm (%)	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2

✓ **Phí quản lý hợp đồng:**

Là khoản chi phí được khấu trừ vào đầu mỗi tháng từ Giá trị tài khoản hợp đồng để quản lý Hợp đồng bảo hiểm. Chi phí quản lý hợp đồng là 25.000 đồng/tháng và có thể thay đổi nhưng không vượt quá 45.000 đồng/tháng.

✓ **Phí quản lý quỹ:**

Là khoản chi phí được dùng cho các hoạt động quản lý Quỹ liên kết chung và được khấu trừ từ kết quả đầu tư của Quỹ liên kết chung trước khi công bố lãi suất đầu tư và áp dụng cho Giá trị tài khoản hợp đồng. Phí quản lý quỹ là 2%/năm.

✓ **Phí hủy bỏ hợp đồng:**

Là khoản chi phí phát sinh khi Bên mua bảo hiểm hủy Hợp đồng bảo hiểm trước hạn để nhận Giá trị hoàn lại. Phí hủy bỏ hợp đồng được tính theo tỷ lệ phần trăm trung bình Phí bảo hiểm cơ bản định kỳ năm, cụ thể như sau:

Năm hợp đồng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10+
Tỷ lệ (%)	100	100	100	100	80	60	40	20	10	0

✓ **Phí rút tiền:**

Là khoản chi phí phát sinh khi Bên mua bảo hiểm rút một phần tiền từ Giá trị tài khoản hợp đồng. Chi phí rút tiền từ Giá trị tài khoản hợp đồng được xác định như sau:

- Rút tiền từ Giá trị tài khoản cơ bản: Phí rút tiền từ Giá trị tài khoản cơ bản dựa trên Phí hủy bỏ hợp đồng nhân với tỷ lệ giữa số tiền yêu cầu rút và Giá trị tài khoản cơ bản tại thời điểm rút.
- Rút tiền từ Giá trị tài khoản đóng thêm: Miễn phí rút tiền.

✓ **Phí bảo hiểm rủi ro:**

Là khoản chi phí được khấu trừ hàng tháng từ Giá trị tài khoản hợp đồng để đảm bảo chi trả quyền lợi bảo hiểm.

✓ **Tạm ứng từ Giá trị hoàn lại:**

Bên mua bảo hiểm phải thanh toán khoản lãi phát sinh trên khoản tạm ứng do Công ty công bố tại từng thời điểm.

4. Tỷ suất đầu tư dự kiến

Lãi suất đầu tư thực tế từ Quỹ liên kết chung trung bình trong 5 năm gần nhất tương ứng 6%/năm (sau khi đã trừ Phí quản lý quỹ) và tối thiểu không thấp hơn 2%/năm. Tỷ suất đầu tư có thể tăng hoặc giảm.

Bên mua bảo hiểm: Nguyễn Văn A
Nhân viên tư vấn: Hoàng Tuyết Hoa
Ngày in: 24/08/2021 - 10:00:00

Văn phòng hoạt động: Hồ Chí Minh
Mã số nhân viên: 000001
Bảng minh họa số: I000000000000001

Bảng minh họa này chỉ có giá trị sử dụng tới 10:00:00 ngày 23/09/2021 và khi có đầy đủ số trang

5. Các quyền lợi của sản phẩm bảo trợ

Bảo hiểm hỗ trợ bệnh hiểm nghèo nâng cao

(Quy định tại Quy tắc điều khoản sản phẩm bảo trợ Bảo hiểm Bệnh hiểm nghèo nâng cao)

- ✓ Quyền lợi bệnh hiểm nghèo cho trẻ em: chi trả 25% Số tiền bảo hiểm của sản phẩm bảo trợ, tối đa 500.000.000 đồng.
- ✓ Quyền lợi bảo hiểm biến chứng bệnh tiểu đường: chi trả 25% Số tiền bảo hiểm của sản phẩm bảo trợ, tối đa 500.000.000 đồng.
- ✓ Quyền lợi bệnh hiểm nghèo giai đoạn đầu: chi trả 25% Số tiền bảo hiểm của sản phẩm bảo trợ, tối đa 500.000.000 đồng mỗi lần chi trả. Công ty sẽ chi trả tối đa 4 lần cho quyền lợi bảo hiểm bệnh hiểm nghèo giai đoạn đầu.
- ✓ Quyền lợi bệnh hiểm nghèo giai đoạn cuối: chi trả 100% Số tiền bảo hiểm sau khi trừ đi các quyền lợi đã chi trả trước đó (nếu có).

Vui lòng tham khảo danh sách bệnh hiểm nghèo tại phụ lục Danh sách bệnh hiểm nghèo nâng cao.

Bảo hiểm hỗ trợ đóng phí

(Quy định tại Quy tắc điều khoản sản phẩm bảo trợ Hỗ trợ đóng phí)

- ✓ Công ty sẽ đóng một khoản phí bằng với phí bảo hiểm cơ bản hàng năm của sản phẩm chính và miễn phí bảo hiểm hàng năm của các sản phẩm bảo hiểm bảo trợ khác được chấp thuận miễn đóng phí được đính kèm trong cùng Hợp đồng bảo hiểm chính (nếu có) nếu Người được bảo hiểm của sản phẩm bảo trợ này tử vong/ thương tật toàn bộ vĩnh viễn.

Bảo hiểm hỗ trợ đóng phí bệnh hiểm nghèo

(Quy định tại Quy tắc điều khoản sản phẩm bảo trợ Hỗ trợ đóng phí bệnh hiểm nghèo)

- ✓ Công ty sẽ đóng một khoản phí bằng với phí bảo hiểm cơ bản hàng năm của sản phẩm chính và miễn phí bảo hiểm hàng năm của các sản phẩm bảo hiểm bảo trợ khác được chấp thuận miễn đóng phí được đính kèm trong cùng Hợp đồng bảo hiểm chính (nếu có) nếu Người được bảo hiểm của sản phẩm bảo trợ này mắc một trong các bệnh hiểm nghèo thuộc phụ lục Danh sách bệnh hiểm nghèo của Sản phẩm bảo trợ đóng phí bệnh hiểm nghèo.

Bên mua bảo hiểm: Nguyễn Văn A
Nhân viên tư vấn: Hoàng Tuyết Hoa
Ngày in: 24/08/2021 - 10:00:00

Văn phòng hoạt động: Hồ Chí Minh
Mã số nhân viên: 000001
Bảng minh họa số: I000000000000001

Bảng minh họa này chỉ có giá trị sử dụng tới 10:00:00 ngày 23/09/2021 và khi có đầy đủ số trang

III. BẢNG MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM VÀ GIÁ TRỊ TÀI KHOẢN SẢN PHẨM CHÍNH

Đơn vị tính: nghìn đồng

Năm/ Tuổi NĐBH	Phí bảo hiểm dự kiến ⁽⁵⁾	Phí bảo hiểm lũy kế đã đóng	Quyền lợi thường duy trì hợp đồng ⁽⁶⁾	Tại mức lãi suất cam kết			Tại mức lãi suất 5,0% ⁽⁹⁾			Tại mức lãi suất 7,0% ⁽⁹⁾			Khoản tiền rút ra
				Quyền lợi từ vong/ TTTBVV	Giá trị tài khoản ⁽⁷⁾	Giá trị hoàn lại ⁽⁸⁾	Quyền lợi từ vong/ TTTBVV	Giá trị tài khoản ⁽⁷⁾	Giá trị hoàn lại ⁽⁸⁾	Quyền lợi từ vong/ TTTBVV	Giá trị tài khoản ⁽⁷⁾	Giá trị hoàn lại ⁽⁸⁾	
1/30	18.741	18.741	-	1.000.000	6.005	-	1.000.000	6.205	-	1.000.000	6.338	-	
2/31	18.741	37.482	-	1.000.000	14.957	-	1.000.000	15.624	-	1.000.000	16.075	-	
3/32	18.741	56.223	-	1.000.000	26.919	8.178	1.000.000	28.428	9.687	1.000.000	29.462	10.721	
4/33	18.741	74.964	1.124	1.000.000	41.150	22.409	1.000.000	43.925	25.184	1.000.000	45.856	27.115	
5/34	18.741	93.705	-	1.000.000	56.406	41.414	1.000.000	60.990	45.997	1.000.000	64.224	49.232	
6/35	18.741	112.446	-	1.000.000	72.484	61.239	1.000.000	79.445	68.201	1.000.000	84.431	73.186	
7/36	18.741	131.187	-	1.000.000	88.805	81.309	1.000.000	98.759	91.262	1.000.000	105.997	98.501	
8/37	18.741	149.928	2.249	1.000.000	108.174	104.426	1.000.000	121.773	118.025	1.000.000	131.817	128.069	
9/38	18.741	168.669	-	1.000.000	125.566	123.692	1.000.000	143.577	141.703	1.000.000	157.087	155.213	
10/39	18.741	187.410	-	1.000.000	143.566	143.566	1.000.000	166.759	166.759	1.000.000	184.435	184.435	
11/40	18.741	206.151	-	1.000.000	161.798	161.798	1.000.000	191.008	191.008	1.000.000	213.632	213.632	
12/41	18.741	224.892	3.373	1.000.000	183.624	183.624	1.000.000	219.703	219.703	1.000.000	248.112	248.112	
13/42	18.741	243.633	-	1.000.000	202.383	202.383	1.000.000	246.348	246.348	1.000.000	281.539	281.539	
14/43	18.741	262.374	-	1.000.000	221.406	221.406	1.000.000	274.258	274.258	1.000.000	317.276	317.276	
15/44	18.741	281.115	-	1.000.000	240.701	240.701	1.000.000	303.525	303.525	1.000.000	355.539	355.539	
16/45	18.741	299.856	4.498	1.000.000	264.753	264.753	1.000.000	338.652	338.652	1.000.000	400.898	400.898	
17/46	18.741	318.597	-	1.000.000	284.698	284.698	1.000.000	370.996	370.996	1.000.000	444.944	444.944	
18/47	18.741	337.338	-	1.000.000	304.938	304.938	1.000.000	404.943	404.943	1.000.000	492.139	492.139	
19/48	18.741	356.079	-	1.000.000	325.488	325.488	1.000.000	440.626	440.626	1.000.000	542.806	542.806	
20/49	18.741	374.820	5.622	1.000.000	351.942	351.942	1.000.000	483.653	483.653	1.000.000	602.647	602.647	
21/50	-	-	-	1.000.000	354.410	354.410	1.000.000	503.920	503.920	1.000.000	641.545	641.545	

Bên mua bảo hiểm: Nguyễn Văn A
Nhân viên tư vấn: Hoàng Tuyết Hoa
Ngày in: 24/08/2021 - 10:00:00

Văn phòng hoạt động: Hồ Chí Minh
Mã số nhân viên: 000001
Bảng minh họa số: I000000000000001

Bảng minh họa này chỉ có giá trị sử dụng tới 10:00:00 ngày 23/09/2021 và khi có đầy đủ số trang

Năm/ Tuổi NĐBH	Phí bảo hiểm dự kiến ⁽⁵⁾	Phí bảo hiểm lũy kế đã đóng	Quyền lợi thường duy trì hợp đồng ⁽⁶⁾	Tại mức lãi suất cam kết			Tại mức lãi suất 5,0% ⁽⁹⁾			Tại mức lãi suất 7,0% ⁽⁹⁾			Khoản tiền rút ra
				Quyền lợi từ vong/ TTTBVV	Giá trị tài khoản ⁽⁷⁾	Giá trị hoàn lại ⁽⁸⁾	Quyền lợi từ vong/ TTTBVV	Giá trị tài khoản ⁽⁷⁾	Giá trị hoàn lại ⁽⁸⁾	Quyền lợi từ vong/ TTTBVV	Giá trị tài khoản ⁽⁷⁾	Giá trị hoàn lại ⁽⁸⁾	
22/51	-	-	-	1.000.000	356.709	356.709	1.000.000	525.150	525.150	1.000.000	683.284	683.284	
23/52	-	-	-	1.000.000	358.813	358.813	1.000.000	547.436	547.436	1.000.000	728.196	728.196	
24/53	-	-	-	1.000.000	360.654	360.654	1.000.000	570.693	570.693	1.000.000	776.282	776.282	
25/54	-	-	-	1.000.000	362.240	362.240	1.000.000	595.067	595.067	1.000.000	827.963	827.963	
26/55	-	-	-	1.000.000	363.559	363.559	1.000.000	620.641	620.641	1.000.000	883.567	883.567	
27/56	-	-	-	1.000.000	364.631	364.631	1.000.000	647.600	647.600	1.000.000	943.631	943.631	
28/57	-	-	-	1.000.000	365.425	365.425	1.000.000	675.884	675.884	1.000.000	1.008.210	1.008.210	
29/58	-	-	-	1.000.000	365.951	365.951	1.000.000	705.683	705.683	1.008.210	1.077.545	1.077.545	
30/59	-	-	-	1.000.000	366.172	366.172	1.000.000	737.101	737.101	1.077.545	1.151.734	1.151.734	
31/60	-	-	-	1.000.000	366.033	366.033	1.000.000	770.344	770.344	1.151.734	1.231.344	1.231.344	
32/61	-	-	-	1.000.000	365.394	365.394	1.000.000	805.326	805.326	1.231.344	1.316.299	1.316.299	
33/62	-	-	-	1.000.000	364.124	364.124	1.000.000	842.270	842.270	1.316.299	1.407.201	1.407.201	
34/63	-	-	-	1.000.000	362.077	362.077	1.000.000	881.344	881.344	1.407.201	1.504.466	1.504.466	
35/64	-	-	-	1.000.000	359.144	359.144	1.000.000	922.882	922.882	1.504.466	1.608.838	1.608.838	
36/65	-	-	-	1.000.000	355.197	355.197	1.000.000	966.901	966.901	1.608.838	1.720.217	1.720.217	
37/66	-	-	-	1.000.000	351.091	351.091	1.000.000	1.014.713	1.014.713	1.720.217	1.840.322	1.840.322	
38/67	-	-	-	1.000.000	345.891	345.891	1.014.713	1.065.142	1.065.142	1.840.322	1.968.835	1.968.835	
39/68	-	-	-	1.000.000	339.533	339.533	1.065.142	1.118.241	1.118.241	1.968.835	2.106.734	2.106.734	
40/69	-	-	-	1.000.000	331.792	331.792	1.118.241	1.173.846	1.173.846	2.106.734	2.253.896	2.253.896	
41/70	-	-	-	1.000.000	322.404	322.404	1.173.846	1.232.232	1.232.232	2.253.896	2.411.359	2.411.359	
42/71	-	-	-	1.000.000	310.953	310.953	1.232.232	1.293.536	1.293.536	2.411.359	2.579.844	2.579.844	
43/72	-	-	-	1.000.000	296.901	296.901	1.293.536	1.358.087	1.358.087	2.579.844	2.760.635	2.760.635	
44/73	-	-	-	1.000.000	279.580	279.580	1.358.087	1.425.685	1.425.685	2.760.635	2.953.570	2.953.570	

Bên mua bảo hiểm: Nguyễn Văn A
Nhân viên tư vấn: Hoàng Tuyết Hoa
Ngày in: 24/08/2021 - 10:00:00

Văn phòng hoạt động: Hồ Chí Minh
Mã số nhân viên: 000001
Bảng minh họa số: I000000000000001

Bảng minh họa này chỉ có giá trị sử dụng tới 10:00:00 ngày 23/09/2021 và khi có đầy đủ số trang

Năm/ Tuổi NĐBH	Phí bảo hiểm dự kiến ⁽⁵⁾	Phí bảo hiểm lũy kế đã đóng	Quyền lợi thường duy trì hợp đồng ⁽⁶⁾	Tại mức lãi suất cam kết			Tại mức lãi suất 5,0% ⁽⁹⁾			Tại mức lãi suất 7,0% ⁽⁹⁾			Khoản tiền rút ra
				Quyền lợi từ vong/ TTTBVV	Giá trị tài khoản ⁽⁷⁾	Giá trị hoàn lại ⁽⁸⁾	Quyền lợi từ vong/ TTTBVV	Giá trị tài khoản ⁽⁷⁾	Giá trị hoàn lại ⁽⁸⁾	Quyền lợi từ vong/ TTTBVV	Giá trị tài khoản ⁽⁷⁾	Giá trị hoàn lại ⁽⁸⁾	
45/74	-	-	-	1.000.000	258.303	258.303	1.425.685	1.496.662	1.496.662	2.953.570	3.160.010	3.160.010	
46/75	-	-	-	1.000.000	232.319	232.319	1.496.662	1.571.188	1.571.188	3.160.010	3.380.900	3.380.900	
47/76	-	-	-	1.000.000	200.801	200.801	1.571.188	1.649.661	1.649.661	3.380.900	3.617.924	3.617.924	
48/77	-	-	-	1.000.000	162.752	162.752	1.649.661	1.731.837	1.731.837	3.617.924	3.870.869	3.870.869	
49/78	-	-	-	1.000.000	116.933	116.933	1.731.837	1.818.122	1.818.122	3.870.869	4.141.520	4.141.520	
50/79	-	-	-	1.000.000	61.623	61.623	1.818.122	1.908.721	1.908.721	4.141.520	4.431.117	4.431.117	
51/80	-	-	-	-	-	-	1.908.721	2.004.118	2.004.118	4.431.117	4.741.864	4.741.864	
52/81	-	-	-	-	-	-	2.004.118	2.104.017	2.104.017	4.741.864	5.073.485	5.073.485	
53/82	-	-	-	-	-	-	2.104.017	2.208.910	2.208.910	5.073.485	5.428.319	5.428.319	
54/83	-	-	-	-	-	-	2.208.910	2.319.049	2.319.049	5.428.319	5.807.991	5.807.991	
55/84	-	-	-	-	-	-	2.319.049	2.435.020	2.435.020	5.807.991	6.215.393	6.215.393	
56/85	-	-	-	-	-	-	2.435.020	2.556.464	2.556.464	6.215.393	6.650.161	6.650.161	
57/86	-	-	-	-	-	-	2.556.464	2.683.980	2.683.980	6.650.161	7.115.362	7.115.362	
58/87	-	-	-	-	-	-	2.683.980	2.817.872	2.817.872	7.115.362	7.613.128	7.613.128	
59/88	-	-	-	-	-	-	2.817.872	2.958.854	2.958.854	7.613.128	8.147.247	8.147.247	
60/89	-	-	-	-	-	-	2.958.854	3.106.490	3.106.490	8.147.247	8.717.244	8.717.244	
61/90	-	-	-	-	-	-	3.106.490	3.261.507	3.261.507	8.717.244	9.327.142	9.327.142	
62/91	-	-	-	-	-	-	3.261.507	3.424.275	3.424.275	9.327.142	9.979.732	9.979.732	
63/92	-	-	-	-	-	-	3.424.275	3.595.663	3.595.663	9.979.732	10.679.983	10.679.983	
64/93	-	-	-	-	-	-	3.595.663	3.775.139	3.775.139	10.679.983	11.427.272	11.427.272	
65/94	-	-	-	-	-	-	3.775.139	3.963.589	3.963.589	11.427.272	12.226.871	12.226.871	
66/95	-	-	-	-	-	-	3.963.589	4.161.461	4.161.461	12.226.871	13.082.442	13.082.442	
67/96	-	-	-	-	-	-	4.161.461	4.369.811	4.369.811	13.082.442	14.000.498	14.000.498	

Bên mua bảo hiểm: Nguyễn Văn A
Nhân viên tư vấn: Hoàng Tuyết Hoa
Ngày in: 24/08/2021 - 10:00:00

Văn phòng hoạt động: Hồ Chí Minh
Mã số nhân viên: 000001
Bảng minh họa số: I000000000000001

Bảng minh họa này chỉ có giá trị sử dụng tới 10:00:00 ngày 23/09/2021 và khi có đầy đủ số trang

Năm/ Tuổi NĐBH	Phí bảo hiểm dự kiến ⁽⁵⁾	Phí bảo hiểm lũy kế đã đóng	Quyền lợi thường duy trì hợp đồng ⁽⁶⁾	Tại mức lãi suất cam kết			Tại mức lãi suất 5,0% ⁽⁹⁾			Tại mức lãi suất 7,0% ⁽⁹⁾			Khoản tiền rút ra
				Quyền lợi từ vong/ TTTBVV	Giá trị tài khoản ⁽⁷⁾	Giá trị hoàn lại ⁽⁸⁾	Quyền lợi từ vong/ TTTBVV	Giá trị tài khoản ⁽⁷⁾	Giá trị hoàn lại ⁽⁸⁾	Quyền lợi từ vong/ TTTBVV	Giá trị tài khoản ⁽⁷⁾	Giá trị hoàn lại ⁽⁸⁾	
68/97	-	-	-	-	-	-	4.369.811	4.587.995	4.587.995	14.000.498	14.980.223	14.980.223	
69/98	-	-	-	-	-	-	4.587.995	4.817.088	4.817.088	14.980.223	16.028.529	16.028.529	
70/99	-	-	-	-	-	-	4.817.088	5.057.635	5.057.635	16.028.529	17.150.216	17.150.216	

Ghi chú:

- (5) Phí bảo hiểm dự kiến bao gồm phí bảo hiểm cơ bản và phí bảo hiểm đóng thêm (nếu có) dựa trên giả định khách hàng có sức khỏe tốt và được minh họa theo định kỳ năm.
- (6) Thường duy trì hợp đồng trong trường hợp Bên mua đóng đầy đủ tất cả các kỳ phí bảo hiểm đến hạn và không rút tiền từ Giá trị tài khoản cơ bản.
- (7) Giá trị tài khoản được hình thành từ Phí bảo hiểm cơ bản, phí bảo hiểm đóng thêm (nếu có) và khoản thường duy trì hợp đồng sau khi khấu trừ Phí ban đầu, các khoản khấu trừ khác (nếu có) cộng với Lãi đầu tư từ Quỹ Liên kết chung và được tính toán tại thời điểm cuối năm.
- (8) Giá trị hoàn lại là số tiền Bên mua bảo hiểm sẽ nhận lại khi yêu cầu chấm dứt hợp đồng bảo hiểm trước thời hạn và được tính toán tại thời điểm cuối năm.
- (9) Quyền lợi minh họa tại lãi suất 5,0% và 7,0% là không đảm bảo, tuân thủ theo quy định tại phụ lục Thông tư 52.

Bên mua bảo hiểm: Nguyễn Văn A
Nhân viên tư vấn: Hoàng Tuyết Hoa
Ngày in: 24/08/2021 - 10:00:00

Văn phòng hoạt động: Hồ Chí Minh
Mã số nhân viên: 000001
Bảng minh họa số: I0000000000000001

Bảng minh họa này chỉ có giá trị sử dụng tới 10:00:00 ngày 23/09/2021 và khi có đầy đủ số trang

IV. BẢNG MINH HỌA CÁC CHI PHÍ TẠI MỨC LÃI SUẤT CAM KẾT

Đơn vị tính: nghìn đồng

Năm/ Tuổi NĐBH	Giá trị minh họa tại lãi suất cam kết								Giá trị tài khoản tại mức lãi suất 7%
	Phí bảo hiểm dự kiến	Phí bảo hiểm rủi ro	Phí ban đầu	Phí quản lý hợp đồng	Phí phân bổ ⁽¹⁰⁾	Quyền lợi bảo hiểm bổ sung ⁽¹¹⁾	Quyền lợi từ vong/TTTBVV	Giá trị tài khoản tại mức lãi suất cam kết	
1/30	18.741	2.261	10.308	300	8.433	1.000.000	1.000.000	6.005	6.338
2/31	18.741	2.298	7.496	300	11.245	1.000.000	1.000.000	14.957	16.075
3/32	18.741	2.330	4.685	300	14.056	1.000.000	1.000.000	26.919	29.462
4/33	18.741	2.379	3.748	300	14.993	1.000.000	1.000.000	41.150	45.856
5/34	18.741	2.420	1.874	300	16.867	1.000.000	1.000.000	56.406	64.224
6/35	18.741	2.478	1.312	300	17.429	1.000.000	1.000.000	72.484	84.431
7/36	18.741	2.560	1.312	300	17.429	1.000.000	1.000.000	88.805	105.997
8/37	18.741	2.654	750	300	17.991	1.000.000	1.000.000	108.174	131.817
9/38	18.741	2.765	750	300	17.991	1.000.000	1.000.000	125.566	157.087
10/39	18.741	2.890	375	300	18.366	1.000.000	1.000.000	143.566	184.435
11/40	18.741	3.024	375	300	18.366	1.000.000	1.000.000	161.798	213.632
12/41	18.741	3.159	375	300	18.366	1.000.000	1.000.000	183.624	248.112
13/42	18.741	3.282	375	300	18.366	1.000.000	1.000.000	202.383	281.539
14/43	18.741	3.398	375	300	18.366	1.000.000	1.000.000	221.406	317.276
15/44	18.741	3.519	375	300	18.366	1.000.000	1.000.000	240.701	355.539
16/45	18.741	3.630	375	300	18.366	1.000.000	1.000.000	264.753	400.898
17/46	18.741	3.713	375	300	18.366	1.000.000	1.000.000	284.698	444.944
18/47	18.741	3.823	375	300	18.366	1.000.000	1.000.000	304.938	492.139
19/48	18.741	3.934	375	300	18.366	1.000.000	1.000.000	325.488	542.806
20/49	18.741	4.045	375	300	18.366	1.000.000	1.000.000	351.942	602.647

Bên mua bảo hiểm: Nguyễn Văn A
Nhân viên tư vấn: Hoàng Tuyết Hoa
Ngày in: 24/08/2021 - 10:00:00

Văn phòng hoạt động: Hồ Chí Minh
Mã số nhân viên: 000001
Bảng minh họa số: I000000000000001

Bảng minh họa này chỉ có giá trị sử dụng tới 10:00:00 ngày 23/09/2021 và khi có đầy đủ số trang

Năm/ Tuổi NĐBH	Giá trị minh họa tại lãi suất cam kết								Giá trị tài khoản tại mức lãi suất 7%
	Phí bảo hiểm dự kiến	Phí bảo hiểm rủi ro	Phí ban đầu	Phí quản lý hợp đồng	Phí phân bổ ⁽¹⁰⁾	Quyền lợi bảo hiểm bổ sung ⁽¹¹⁾	Quyền lợi TV/TTTBVV	Giá trị tài khoản tại mức lãi suất cam kết	
21/50	-	4.219	-	300	-	1.000.000	1.000.000	354.410	641.545
22/51	-	4.445	-	300	-	1.000.000	1.000.000	356.709	683.284
23/52	-	4.703	-	300	-	1.000.000	1.000.000	358.813	728.196
24/53	-	4.985	-	300	-	1.000.000	1.000.000	360.654	776.282
25/54	-	5.275	-	300	-	1.000.000	1.000.000	362.240	827.963
26/55	-	5.570	-	300	-	1.000.000	1.000.000	363.559	883.567
27/56	-	5.860	-	300	-	1.000.000	1.000.000	364.631	943.631
28/57	-	6.139	-	300	-	1.000.000	1.000.000	365.425	1.008.210
29/58	-	6.419	-	300	-	1.000.000	1.000.000	365.951	1.077.545
30/59	-	6.732	-	300	-	1.000.000	1.000.000	366.172	1.151.734
31/60	-	7.112	-	300	-	1.000.000	1.000.000	366.033	1.231.344
32/61	-	7.585	-	300	-	1.000.000	1.000.000	365.394	1.316.299
33/62	-	8.198	-	300	-	1.000.000	1.000.000	364.124	1.407.201
34/63	-	8.943	-	300	-	1.000.000	1.000.000	362.077	1.504.466
35/64	-	9.798	-	300	-	1.000.000	1.000.000	359.144	1.608.838
36/65	-	10.726	-	300	-	1.000.000	1.000.000	355.197	1.720.217
37/66	-	10.806	-	300	-	-	1.000.000	351.091	1.840.322
38/67	-	11.808	-	300	-	-	1.000.000	345.891	1.968.835
39/68	-	12.871	-	300	-	-	1.000.000	339.533	2.106.734
40/69	-	14.096	-	300	-	-	1.000.000	331.792	2.253.896
41/70	-	15.575	-	300	-	-	1.000.000	322.404	2.411.359
42/71	-	17.432	-	300	-	-	1.000.000	310.953	2.579.844
43/72	-	19.799	-	300	-	-	1.000.000	296.901	2.760.635

Bên mua bảo hiểm: Nguyễn Văn A
Nhân viên tư vấn: Hoàng Tuyết Hoa
Ngày in: 24/08/2021 - 10:00:00

Văn phòng hoạt động: Hồ Chí Minh
Mã số nhân viên: 000001
Bảng minh họa số: I000000000000001

Bảng minh họa này chỉ có giá trị sử dụng tới 10:00:00 ngày 23/09/2021 và khi có đầy đủ số trang

Năm/ Tuổi NĐBH	Giá trị minh họa tại lãi suất cam kết								Giá trị tài khoản tại mức lãi suất 7%
	Phí bảo hiểm dự kiến	Phí bảo hiểm rủi ro	Phí ban đầu	Phí quản lý hợp đồng	Phí phân bổ ⁽¹⁰⁾	Quyền lợi bảo hiểm bổ sung ⁽¹¹⁾	Quyền lợi TV/TTTBVV	Giá trị tài khoản tại mức lãi suất cam kết	
44/73	-	22.744	-	300	-	-	1.000.000	279.580	2.953.570
45/74	-	26.319	-	300	-	-	1.000.000	258.303	3.160.010
46/75	-	30.561	-	300	-	-	1.000.000	232.319	3.380.900
47/76	-	35.540	-	300	-	-	1.000.000	200.801	3.617.924
48/77	-	41.376	-	300	-	-	1.000.000	162.752	3.870.869
49/78	-	48.320	-	300	-	-	1.000.000	116.933	4.141.520
50/79	-	56.816	-	300	-	-	1.000.000	61.623	4.431.117
51/80	-	-	-	-	-	-	-	-	4.741.864
52/81	-	-	-	-	-	-	-	-	5.073.485
53/82	-	-	-	-	-	-	-	-	5.428.319
54/83	-	-	-	-	-	-	-	-	5.807.991
55/84	-	-	-	-	-	-	-	-	6.215.393
56/85	-	-	-	-	-	-	-	-	6.650.161
57/86	-	-	-	-	-	-	-	-	7.115.362
58/87	-	-	-	-	-	-	-	-	7.613.128
59/88	-	-	-	-	-	-	-	-	8.147.247
60/89	-	-	-	-	-	-	-	-	8.717.244
61/90	-	-	-	-	-	-	-	-	9.327.142
62/91	-	-	-	-	-	-	-	-	9.979.732
63/92	-	-	-	-	-	-	-	-	10.679.983
64/93	-	-	-	-	-	-	-	-	11.427.272
65/94	-	-	-	-	-	-	-	-	12.226.871
66/95	-	-	-	-	-	-	-	-	13.082.442
67/96	-	-	-	-	-	-	-	-	14.000.498

Bên mua bảo hiểm: Nguyễn Văn A
Nhân viên tư vấn: Hoàng Tuyết Hoa
Ngày in: 24/08/2021 - 10:00:00

Văn phòng hoạt động: Hồ Chí Minh
Mã số nhân viên: 000001
Bảng minh họa số: I000000000000001

Bảng minh họa này chỉ có giá trị sử dụng tới 10:00:00 ngày 23/09/2021 và khi có đầy đủ số trang

Năm/ Tuổi NĐBH	Giá trị minh họa tại lãi suất cam kết							Giá trị tài khoản tại mức lãi suất cam kết	Giá trị tài khoản tại mức lãi suất 7%
	Phí bảo hiểm dự kiến	Phí bảo hiểm rủi ro	Phí ban đầu	Phí quản lý hợp đồng	Phí phân bổ ⁽¹⁰⁾	Quyền lợi bảo hiểm bổ sung ⁽¹¹⁾	Quyền lợi TV/TTTBVV		
68/97	-	-	-	-	-	-	-	-	14.980.223
69/98	-	-	-	-	-	-	-	-	16.028.529
70/99	-	-	-	-	-	-	-	-	17.150.216

Ghi chú:

- (10) Phí phân bổ là khoản tiền còn lại sau khi khấu trừ phí ban đầu, được phân bổ vào Giá trị tài khoản cơ bản và Giá trị tài khoản đóng thêm (nếu có).
 (11) Quyền lợi bảo hiểm bổ sung bao gồm quyền lợi TV/TTTBVV do tai nạn, do Bên mua bảo hiểm lựa chọn tại thời điểm tham gia bảo hiểm.

Bên mua bảo hiểm: Nguyễn Văn A
 Nhân viên tư vấn: Hoàng Tuyết Hoa
 Ngày in: 24/08/2021 - 10:00:00

Văn phòng hoạt động: Hồ Chí Minh
 Mã số nhân viên: 000001
 Bảng minh họa số: I0000000000000001

Bảng minh họa này chỉ có giá trị sử dụng tới 10:00:00 ngày 23/09/2021 và khi có đầy đủ số trang

V. XÁC NHẬN

XÁC NHẬN CỦA KHÁCH HÀNG		XÁC NHẬN CỦA NHÂN VIÊN TƯ VẤN BẢO HIỂM	
<p>Bằng việc ký tên vào Bảng minh họa quyền lợi sản phẩm bảo hiểm này. Tôi xác nhận đã được Nhân viên tư vấn có tên và mã số như trong tài liệu này tiến hành phân tích nhu cầu, tư vấn, cung cấp đầy đủ thông tin liên quan đến Hợp đồng bảo hiểm và giải thích cụ thể các điều khoản và điều kiện của Hợp đồng bảo hiểm nói trên.</p> <p>Tôi, bên mua bảo hiểm, xác nhận rằng đã hiểu rõ các đặc điểm của sản phẩm bảo hiểm Liên kết chung cũng như toàn bộ nội dung của Bảng minh họa này và đồng ý tham gia các sản phẩm bảo hiểm nêu trên.</p>		<p>Tôi, nhân viên tư vấn ký tên dưới đây cam kết đã giải thích và tư vấn đầy đủ cho Khách hàng có tên nêu trên về sản phẩm bảo hiểm Liên kết chung và nội dung Bảng minh họa này.</p>	
Chữ ký:		Chữ ký:	
Họ và tên:	Mai An Phong	Họ và tên:	Hoàng Tuyết Hoa
Ngày/tháng/năm:	24/08/2021	Mã số:	000001
		Ngày/tháng/năm:	24/08/2021

Bên mua bảo hiểm: Nguyễn Văn A
Nhân viên tư vấn: Hoàng Tuyết Hoa
Ngày in: 24/08/2021 - 10:00:00

Văn phòng hoạt động: Hồ Chí Minh
Mã số nhân viên: 000001
Bảng minh họa số: I0000000000000001

Bảng minh họa này chỉ có giá trị sử dụng tới 10:00:00 ngày 23/09/2021 và khi có đầy đủ số trang

PHỤ LỤC: DANH SÁCH BỆNH HIỂM NGHÈO CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM HỖ TRỢ BỆNH HIỂM NGHÈO NÂNG CAO

A. BỆNH HIỂM NGHÈO Ở TRẺ EM		
1. Đái tháo đường phụ thuộc insulin ở trẻ nhỏ	6. Viêm cầu thận với Hội chứng thận hư	
2. Bệnh Kawasaki	7. Haemophilia A và Haemophilia B	
3. Bệnh Still (Viêm khớp mạn tính hệ thống ở trẻ em)	8. Bệnh tay-chân-miệng thể nặng	
4. Bệnh Wilson	9. Sốt thấp khớp có biến chứng van tim	
5. Sốt xuất huyết Dengue	10. Suy giảm trí tuệ	
B. CÁC BIẾN CHỨNG CỦA BỆNH TIỂU ĐƯỜNG		
11. Cụt chi do tiểu đường		
12. Bệnh vông mạc do tiểu đường		
13. Nhiễm toan Ketone do tiểu đường		
NHÓM BỆNH	C. BỆNH HIỂM NGHÈO GIAI ĐOẠN ĐẦU	D. BỆNH HIỂM NGHÈO GIAI ĐOẠN CUỐI
Ung thư	14. Ung thư biểu mô tại chỗ 15. Ung thư giai đoạn đầu của một số cơ quan 16. Hội chứng rối loạn sinh tủy	58. Ung thư giai đoạn cuối
Tạng chủ	17. Viêm tụy cấp hoại tử 18. Phẫu thuật tái tạo đường mật 19. Ghép giác mạc 20. Xơ gan 21. Phẫu thuật gan 22. Phẫu thuật cắt một bên phổi 23. Phẫu thuật cắt bỏ một thận 24. Thiếu máu bất sản có khả năng hồi phục 25. Hen suyễn thể nặng 26. Ghép ruột non	59. Thiếu máu bất sản 60. Cấy ghép tủy xương 61. Phẫu thuật ghép tạng chủ 62. Viêm gan tự miễn mạn tính 63. Suy thận mạn tính 64. Viêm tụy mạn tính tái phát 65. Suy gan giai đoạn cuối 66. Bệnh phổi giai đoạn cuối 67. Viêm gan siêu vi thể tối cấp 68. Nang tủy thận

Bên mua bảo hiểm: Nguyễn Văn A
Nhân viên tư vấn: Hoàng Tuyết Hoa
Ngày in: 24/08/2021 - 10:00:00

Văn phòng hoạt động: Hồ Chí Minh
Mã số nhân viên: 000001
Bảng minh họa số: I000000000000001

Bảng minh họa này chỉ có giá trị sử dụng tới 10:00:00 ngày 23/09/2021 và khi có đầy đủ số trang

<p>Hệ tuần hoàn (tim mạch)</p>	<p>27. Phẫu thuật nong vành 28. Phẫu thuật viêm màng ngoài tim co thắt 29. Phẫu thuật phì đại cơ tim 30. Đặt lưới lọc tĩnh mạch chủ (Veno-cava Filter) 31. Đặt máy khử rung tim 32. Đặt máy tạo nhịp tim 33. Phình động mạch chủ diện rộng không có triệu chứng 34. Phẫu thuật bắc cầu động mạch vành trực tiếp xâm lấn tối thiểu (MIDCAB) 35. Phẫu thuật động mạch chủ xâm lấn tối thiểu 36. Phẫu thuật tạo hình van tim hoặc nong van tim qua da 37. Mở khí quản vĩnh viễn 38. Tăng áp động mạch phổi thứ phát</p>	<p>69. Bệnh cơ tim 70. Phẫu thuật bắc cầu động mạch vành 71. Hội chứng Eisenmenger 72. Nhồi máu cơ tim 73. Viêm nội tâm mạc nhiễm khuẩn 74. Phẫu thuật tim hở để điều trị bệnh lý van tim 75. Bệnh động mạch vành nghiêm trọng khác 76. Tăng huyết áp động mạch phổi nguyên phát 77. Phẫu thuật động mạch chủ</p>
<p>Hệ thần kinh Cơ xương khớp</p>	<p>39. Phẫu thuật huyết khối xoang hang 40. Phẫu thuật động mạch cảnh 41. Phẫu thuật phình động mạch não 42. Bệnh đa xơ cứng giai đoạn đầu 43. Bệnh Parkinson giai đoạn đầu 44. Hôn mê nặng vừa phải 45. Viêm đa cơ mức độ vừa 46. Phẫu thuật u tuyến yên 47. Viêm khớp dạng thấp nghiêm trọng 48. Chấn thương tủy sống 49. Phẫu thuật cắt bỏ u màng não 50. Phẫu thuật điều trị động kinh kháng thuốc 51. Phẫu thuật máu tụ dưới màng cứng 52. Viêm tủy sống do lao</p>	<p>78. Gãy cột sống do Tai nạn 79. Bệnh Alzheimer/ Sa sút trí tuệ nghiêm trọng 80. Xơ cứng teo cơ cột bên 81. Hội chứng Apallic 82. Viêm màng não do vi khuẩn 83. U não lành tính 84. Phẫu thuật não 85. Hôn mê 86. Bệnh Bò điên (Creutzfeldt-Jakob Disease) 87. Chấn thương sọ não nặng 88. Bệnh thần kinh vận động 89. Tổn thương đa rễ đám rối thần kinh cánh tay 90. Bệnh đa xơ cứng 91. Bệnh loạn dưỡng cơ 92. Bệnh nhược cơ 93. Liệt chi 94. Bệnh Parkinson 95. Bệnh bại liệt 96. Liệt trên nhân tiến triển 97. Loãng xương nặng</p>

Bên mua bảo hiểm: Nguyễn Văn A
Nhân viên tư vấn: Hoàng Tuyết Hoa
Ngày in: 24/08/2021 - 10:00:00

Văn phòng hoạt động: Hồ Chí Minh
Mã số nhân viên: 000001
Bảng minh họa số: I000000000000001

Bảng minh họa này chỉ có giá trị sử dụng tới 10:00:00 ngày 23/09/2021 và khi có đầy đủ số trang

		<p>98. Đột quy 99. Liệt hoàn toàn tứ chi do tổn thương tủy sống 100. Viêm não do vi rút</p>
Khác	<p>53. Phẫu thuật cấy ghép ốc tai điện tử 54. Mất 01 chi 55. Mất thị lực 01 mắt 56. Bồng rộng chưa nghiêm trọng 57. Mất một phần thính lực</p>	<p>101. Mùi 102. Suy thượng thận mạn tính 103. Bệnh Crohn có đường rò 104. Bệnh Ebola 105. Bệnh phù chân voi 106. Nhiễm HIV do truyền máu 107. Nhiễm HIV do nghề nghiệp 108. Mất thính lực 109. Mất khả năng nói 110. Lupus ban đỏ hệ thống có biến chứng viêm thận 111. Viêm cân mạc hoại tử 112. U tủy thượng thận 113. Xơ cứng bì tiến triển 114. Bồng nặng 115. Phẫu thuật vẹo cột sống tự phát 116. Viêm loét đại tràng có phẫu thuật cắt toàn bộ đại tràng</p>

Bên mua bảo hiểm: Nguyễn Văn A
Nhân viên tư vấn: Hoàng Tuyết Hoa
Ngày in: 24/08/2021 - 10:00:00

Văn phòng hoạt động: Hồ Chí Minh
Mã số nhân viên: 000001
Bảng minh họa số: I000000000000001

Bảng minh họa này chỉ có giá trị sử dụng tới 10:00:00 ngày 23/09/2021 và khi có đầy đủ số trang

PHỤ LỤC: DANH SÁCH BỆNH HIỂM NGHÈO CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM HỖ TRỢ BỆNH HIỂM NGHÈO

1. Ung thư	9. Đa xơ cứng	17. Suy gan giai đoạn cuối
2. Đau tim	10. Bệnh Alzheimer / Chứng mất trí nhớ nặng	18. Viêm gan tối cấp
3. Ghép tủy xương/ cơ quan chính	11. Hôn mê	19. Bệnh nang ở tủy thận
4. Tai biến mạch máu não (đột quỵ)	12. Bệnh Parkinson	20. Bệnh thần kinh vận động
5. Giải phẫu bắc cầu động mạch vành	13. Thiếu máu không tái tạo	
6. Tổn thương nguy hiểm ở đầu	14. Khối u lành ở não	
7. Bệnh phổi giai đoạn cuối	15. Bỏng nguy hiểm	
8. Suy thận	16. Tăng áp động mạch phổi nguyên phát	

Bên mua bảo hiểm: Nguyễn Văn A
Nhân viên tư vấn: Hoàng Tuyết Hoa
Ngày in: 24/08/2021 - 10:00:00

Văn phòng hoạt động: Hồ Chí Minh
Mã số nhân viên: 000001
Bảng minh họa số: I000000000000001

Bảng minh họa này chỉ có giá trị sử dụng tới 10:00:00 ngày 23/09/2021 và khi có đầy đủ số trang

PHỤ LỤC: DANH SÁCH BỆNH HIỂM NGHÈO CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM HỖ TRỢ ĐÓNG PHÍ BỆNH HIỂM NGHÈO

Nhóm bệnh Ung thư	Nhóm bệnh Hệ thần kinh – Cơ xương khớp	Nhóm bệnh khác
1. Ung thư giai đoạn cuối	21. Gãy cột sống do Tai nạn	44. Mù
Nhóm bệnh Tạng chủ	22. Bệnh Alzheimer/ Sa sút trí tuệ nghiêm trọng	45. Suy thượng thận mạn tính
2. Thiếu máu bất sản	23. Xơ cứng teo cơ cột bên	46. Bệnh Crohn có đường rò
3. Cấy ghép tủy xương	24. Hội chứng Apallie	47. Bệnh Ebola
4. Phẫu thuật ghép tạng chủ	25. Viêm màng não do vi khuẩn	48. Bệnh phù chân voi
5. Viêm gan tự miễn mạn tính	26. U não lành tính	49. Nhiễm HIV do truyền máu
6. Suy thận mạn tính	27. Phẫu thuật não	50. Nhiễm HIV do nghề nghiệp
7. Viêm tụy mạn tính tái phát	28. Hôn mê	51. Mất thính lực
8. Suy gan giai đoạn cuối	29. Bệnh Bò điên (Creutzfeldt-Jakob Disease)	52. Mất khả năng nói
9. Bệnh phổi giai đoạn cuối	30. Chấn thương sọ não nặng	53. Lupus ban đỏ hệ thống có biến chứng viêm thận
10. Viêm gan siêu vi thể tối cấp	31. Bệnh thần kinh vận động	54. Viêm cân mạc hoại tử
11. Nang tủy thận	32. Tổn thương đa rễ đám rối thần kinh cánh tay	55. U tủy thượng thận
Nhóm bệnh Hệ tuần hoàn (tim mạch)	33. Bệnh đa xơ cứng	56. Xơ cứng bì tiến triển
12. Bệnh cơ tim	34. Bệnh loạn dưỡng cơ	57. Bỏng nặng
13. Phẫu thuật bắc cầu động mạch vành	35. Bệnh nhược cơ	58. Phẫu thuật vẹo cột sống tự phát
14. Hội chứng Eisenmenger	36. Liệt chi	59. Viêm loét đại tràng có phẫu thuật cắt toàn bộ đại tràng
15. Nhồi máu cơ tim	37. Bệnh Parkinson	
16. Viêm nội tâm mạc nhiễm khuẩn	38. Bệnh bại liệt	
17. Phẫu thuật tim hở để điều trị bệnh lý van tim	39. Liệt trên nhân tiến triển	
18. Bệnh động mạch vành nghiêm trọng khác	40. Loãng xương nặng	
19. Tăng huyết áp động mạch phổi nguyên phát	41. Đột quy	
20. Phẫu thuật động mạch chủ	42. Liệt hoàn toàn tứ chi do tổn thương tủy sống	
	43. Viêm não do vi rút	

Bên mua bảo hiểm: Nguyễn Văn A
Nhân viên tư vấn: Hoàng Tuyết Hoa
Ngày in: 24/08/2021 - 10:00:00

Văn phòng hoạt động: Hồ Chí Minh
Mã số nhân viên: 000001
Bảng minh họa số: I000000000000001

Bảng minh họa này chỉ có giá trị sử dụng tới 10:00:00 ngày 23/09/2021 và khi có đầy đủ số trang